**Phụ lục I**

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG NHÀ, NHÀ Ở**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 53/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

| **STT** | **Loại nhà** | **Đơn vị tính** | **Mức giá (đồng)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | ***Nhà ở 5 tầng cao 18,5m có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng ép cọc BTCT KT: 250x250 hoặc móng trụ BTCT mác 200 chịu lực, khung nhà, dầm trụ cột BTCT mác 200#, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày từ 110mm - 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Chiều cao tầng ≥ 3,5m, nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường và đặt trong ống gen bảo vệ, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà cấp lên téc inox trên mái, hệ thống cấp thoát nước được đặt trong hộp kỹ thuật. Bình nóng lạnh, lavabo, sen tắm Việt Nam hoặc liên doanh Việt Nam. Chậu xí bệt thông dụng, khu WC khép kín. | | |
| 1 | Nhà ở 5 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.004.905 |
| 2 | Nhà ở 5 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 4.742.653 |
| 3 | Nhà ở 5 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 4.761.141 |
| 4 | Nhà ở 5 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 4.499.316 |
| **II** | ***Nhà ở 4 tầng cao 14,5m có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng ép cọc BTCT KT: 250x250 hoặc móng trụ BTCT mác 200 chịu lực, khung nhà, dầm trụ cột BTCT mác 200#, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày từ 110mm - 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Chiều cao tầng ≥ 3,5m, nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường và đặt trong ống gen bảo vệ, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà cấp lên téc inox trên mái, hệ thống cấp thoát nước được đặt trong hộp kỹ thuật. Bình nóng lạnh, lavabo, sen tắm Việt Nam hoặc liên doanh Việt Nam. Chậu xí bệt thông dụng, khu WC khép kín. | | |
| 1 | Nhà ở 4 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.312.276 |
| 2 | Nhà ở 4 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 5.044.036 |
| 3 | Nhà ở 4 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.301.217 |
| 4 | Nhà ở 4 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 4.764.983 |
| **III** | ***Nhà ở 3 tầng cao 11,1m có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng ép cọc BTCT KT: 250x250 hoặc móng trụ BTCT mác 200 chiu lực, khung nhà, dầm trụ cột BTCT mác 200#, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày từ 110mm - 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Chiều cao tầng ≥ 3,5m, nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường và đặt trong ống gen bảo vệ, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà cấp lên téc inox trên mái, hệ thống cấp thoát nước được đặt trong hộp kỹ thuật. Bình nóng lạnh, lavabo, sen tắm Việt Nam hoặc liên doanh Việt Nam. Chậu xí bệt thông dụng, khu WC khép kín. | | |
| 1 | Nhà ở 3 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.575.977 |
| 2 | Nhà ở 3 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 5.294.759 |
| 3 | Nhà ở 3 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.356.014 |
| 4 | Nhà ở 3 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 5.094.181 |
| **IV** | ***Nhà ở 2 tầng cao 7,5m có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng ép cọc BTCT KT: 250x250 hoặc móng trụ BTCT mác 200 chiu lực và móng xây gạch, đá VXM mác 75 chịu lực, khung nhà, dầm trụ cột BTCT mác 200# hoặc tường xây chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày từ 110mm - 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Chiều cao tầng ≥ 3,5m, nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường và đặt trong ống gen bảo vệ, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà cấp lên téc inox trên mái, hệ thống cấp thoát nước được đặt trong hộp kỹ thuật. Bình nóng lạnh, lavabo, sen tắm Việt Nam hoặc liên doanh Việt Nam. Chậu xí bệt thông dụng, khu WC khép kín. | | |
| 1 | Nhà ở 2 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 6.500.957 |
| 2 | Nhà ở 2 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 6.223.325 |
| 3 | Nhà ở 2 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 6.084.971 |
| 4 | Nhà ở 2 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 5.857.077 |
| 5 | Nhà ở 2 tầng, móng xây gạch hoặc đá, tường chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.978.981 |
| **V** | ***Nhà ở 2 tầng cao 7,5m không có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng ép cọc BTCT KT: 250x250 hoặc móng trụ BTCT mác 200 chiu lực và móng xây gạch, đá VXM mác 75 chịu lực, khung nhà, dầm trụ cột BTCT mác 200# hoặc tường xây chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày từ 110mm - 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#., nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường và đặt trong ống gen bảo vệ, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà cấp lên téc inox trên mái, hệ thống cấp thoát nước được đặt trong hộp kỹ thuật. Cấp nước cho chậu rửa bát, không có công trình vệ sinh trong nhà. | | |
| 1 | Nhà ở 2 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.943.109 |
| 2 | Nhà ở 2 tầng, móng ép cọc, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 5.611.259 |
| 3 | Nhà ở 2 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.643.882 |
| 4 | Nhà ở 2 tầng, móng trụ BTCT chịu lực, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 110mm | đ/m2 sàn | 5.372.745 |
| 5 | Nhà ở 2 tầng, móng xây gạch hoặc đá, tường chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm | đ/m2 sàn | 5.540.506 |
| **VI** | ***Nhà ở 1 tầng cao 3.6m, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm, nền đất, có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng xây gạch, đá VXM mác 100 chịu lực, tường xây chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Mái BTCT hoặc mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường hoặc gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà. Hệ thống thoát nước sử dụng ống PVC thoát ra hệ thống thoát nước chung. Bình nóng lạnh, lavabo, sen tắm Việt Nam hoặc liên doanh Việt Nam. Chậu xí bệt thông dụng, khu WC khép kín. | | |
| 1 | Nhà mái bằng | đ/m2 sàn | 5.184.500 |
| 2 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 5.084.526 |
| 3 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 5.200.103 |
| 4 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 5.101.256 |
| **VII** | ***Nhà ở 1 tầng cao 3.6m, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung, dày 110mm xây bổ trụ 220mm, nền đất, có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng xây gạch, đá VXM mác 100 chịu lực, tường xây chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày từ 110mm xây bổ trụ 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Mái BTCT hoặc mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường hoặc gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà. Hệ thống thoát nước sử dụng ống PVC thoát ra hệ thống thoát nước chung. Bình nóng lạnh, lavabo, sen tắm Việt Nam hoặc liên doanh Việt Nam. Chậu xí bệt thông dụng, khu WC khép kín | | |
| 1 | Nhà mái bằng | đ/m2 sàn | 4.781.577 |
| 2 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 4.885.038 |
| 3 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 5.189.077 |
| 4 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 4.778.987 |
| **VIII** | ***Nhà ở 1 tầng cao 3.6m, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung dày 220mm, nền đất, không có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng xây gạch, đá VXM mác 100 chịu lực, tường xây chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Mái BTCT hoặc mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường hoặc gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà. Hệ thống thoát nước sử dụng ống PVC thoát ra hệ thống thoát nước chung. Cấp nước cho chậu rửa bát, không có công trình vệ sinh trong nhà. | | |
| 1 | Nhà mái bằng | đ/m2 sàn | 4.986.410 |
| 2 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 4.887.795 |
| 3 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 5.003.372 |
| 4 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 4.904.526 |
| **IX** | ***Nhà ở 1 tầng cao 3.6m, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung, dày 110mm xây bổ trụ 220mm, nền đất, không có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng xây gạch, đá VXM mác 100 chịu lực, tường xây chịu lực, tường xây gạch đỏ hoặc gạch không nung mác 75#, tường dày từ 110mm xây bổ trụ 220mm, sàn đổ bê tông cốt thép 200#. Mái BTCT hoặc mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường hoặc gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà. Hệ thống thoát nước sử dụng ống PVC thoát ra hệ thống thoát nước chung. Cấp nước cho chậu rửa bát, không có công trình vệ sinh trong nhà. | | |
| 1 | Nhà mái bằng | đ/m2 sàn | 4.584.846 |
| 2 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 4.508.308 |
| 3 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 4.992.346 |
| 4 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 4.597.795 |
| **X** | ***Nhà ở 1 tầng cao 3.3m, tường xây gạch xỉ, dày 180mm, nền đất, không có công trình vệ sinh khép kín:*** Móng xây gạch, đá VXM mác 100 chịu lực, tường xây chịu lực, tường xây gạch xỉ mác 75#, tường dày từ 180mm. Mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi cửa sổ bằng nhôm hệ kính an toàn. Hệ thống điện đi âm tường hoặc gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. Hệ thống nước đi âm tường, đường nước cấp được lấy từ bể ngầm trong nhà. Hệ thống thoát nước sử dụng ống PVC thoát ra hệ thống thoát nước chung. Cấp nước cho chậu rửa bát, không có công trình vệ sinh trong nhà. | | |
| 1 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 4.977.051 |
| 2 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 5.357.667 |
| 3 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 4.993.782 |
| **XI** | **Nhà sàn bê tông khung, cột, sàn bê tông, tường xây gạch chỉ hoặc gạch không nung:** Móng xây gạch VXM mác 100, cột tròn D250 BTCT mác 200, dầm, sàn BTCT mác 200, tường xây gạch xỉ mác 75#, tường dày từ 220mm. Mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Tường trát VXM mác 75 dày 1,5cm, tường sơn 1 nước lót 2 nước phủ không bả. Cửa đi, cửa sổ bằng gỗ nhóm IV, sơn màu cánh gián. Hệ thống điện đi âm tường hoặc gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. | | |
| 1 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 4.769.255 |
| 2 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 5.513.297 |
| 3 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 4.728.055 |
| **XII** | **Nhà sàn bê tông khung, cột, sàn bê tông, tường vách gỗ:** Móng xây gạch VXM mác 100, cột tròn D250 BTCT mác 200, dầm, sàn BTCT mác 200, tường vách gỗ nhóm IV. Mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm, lát gạch liên doanh KT: 60x60. Cửa đi cửa sổ bằng gỗ nhóm IV, sơn màu cánh gián. Hệ thống điện đi âm tường hoặc gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. | | |
| 1 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 4.469.950 |
| 2 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 5.213.993 |
| 3 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 4.343.510 |
| **XIII** | **Nhà trình tường, dày >400mm:** Móng xây gạch VXM mác 100, tường bằng đất đầm chặt dày >400mm, kết hợp khung cột tròn D250 BTCT gỗ nhóm IV. Mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm mác 150, láng vữa xi măng mác 75 dày 20mm. Cửa đi cửa sổ bằng gỗ nhóm IV. Hệ thống điện đi gen nổi thông dụng, hệ thống chiều sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. | | |
| 1 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 2.352.034 |
| 2 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 2.608.185 |
| 3 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 2.322.946 |
| **XIV** | **Nhà trình tường, dày** ≤ **400mm:** Móng xây gạch VXM mác 100, tường bằng đất đầm chặt dày ≤ 400mm, kết hợp khung cột tròn D250 BTCT gỗ nhóm IV. Mái tôn, mái ngói 22 viên/m2, mái Fibro xi măng. Nền bê tông đá dăm mác 150, láng vữa xi măng mác 75 dày 20mm. Cửa đi cửa sổ bằng gỗ nhóm IV. Hệ thống điện đi gen nổi thông dụng, hệ thống chiếu sáng và các thiết bị điện của Việt Nam sản xuất hoặc liên doanh. | | |
| 1 | Nhà mái tôn | đ/m2 sàn | 2.252.655 |
| 2 | Nhà mái ngói 22 viên/m2 | đ/m2 sàn | 2.508.806 |
| 3 | Nhà lợp mái Fibrô xi măng | đ/m2 sàn | 2.223.567 |
| **XV** | **Nhà cột gỗ tròn nhóm 4-5, mái lợp ngói đỏ, xà gồ, cầu phong bằng gỗ xẻ nhóm 4-5, nền đất, không bó nền, không tính vách (vách tính riêng theo đơn giá tại bảng II tùy từng loại vách toóc xi, gỗ ván, xây gạch … )** | đ/m2 sàn | 1.843.240 |
| **XVI** | **Nhà cột gỗ tròn nhóm 2-3, mái lợp Fibrô xi măng, xà gồ bằng gỗ xẻ nhóm 4-5, nền đất, không bó nền, không tính vách (vách tính riêng theo đơn giá tại bảng II tùy từng loại vách toóc xi, gỗ ván, xây gạch … )** | đ/m2 sàn | 2.375.032 |
| **XVII** | **Nhà cột gỗ tròn nhóm 4-5, mái lợp lá cọ, xà gồ, cầu phong gỗ xẻ nhóm 4-5, nền đất, không bó nền, (vách tính riêng theo đơn giá tại bảng II tùy từng loại vách toóc xi, gỗ ván, xây gạch … )** | đ/m2 sàn | 1.552.328 |
| **XVIII** | **Nhà sàn, cột gỗ tròn hoặc vuông nhóm 4-5, xuyên gỗ, sàn, dầm sàn, xà gồ, cầu phong bằng gỗ xẻ nhóm 4-5, không có vách, nền đất (vách tính riêng theo đơn giá tại bảng II tùy từng loại)** |  |  |
| 1 | Mái lợp ngói đỏ | đ/m2 sàn | 2.641.207 |
| 2 | Mái lợp phibrô xi măng | đ/m2 sàn | 2.252.364 |
| 3 | Mái lợp lá cọ | đ/m2 sàn | 2.540.506 |
| 4 | Mái lợp tôn | đ/m2 sàn | 2.293.538 |
| **XIX** | **Nhà sàn, cột gỗ tròn hoặc vuông, xuyên gỗ nhóm 2-3, sàn, dầm sàn, xà gồ, cầu phong bằng gỗ xẻ nhóm 4-5, không có vách, nền đất (vách tính riêng theo đơn giá tại bảng II tùy từng loại)** |  |  |
| 1 | Mái lợp ngói đỏ | đ/m2 sàn | 2.952.284 |
| 2 | Mái lợp phibrô xi măng | đ/m2 sàn | 2.563.441 |
| 3 | Mái lợp lá cọ | đ/m2 sàn | 2.540.506 |
| 4 | Mái lợp tôn | đ/m2 sàn | 2.604.615 |
| **XX** | **Nhà ở, nhà xưởng hoặc nhà kho, khung thép, quây xung quanh bằng tôn, nền đất. Chiều cao nhà <=4m.** |  |  |
| 1 | Mái lợp phibrô xi măng | đ/m2 sàn | 2.003.462 |
| 2 | Mái lợp tôn | đ/m2 sàn | 2.024.211 |
| **XXI** | **Nhà ở, nhà xưởng hoặc nhà kho, khung thép, quây xung quanh bằng tôn, nền đất. Chiều cao nhà <=6m.** |  |  |
| 1 | Mái lợp phibrô xi măng | đ/m2 sàn | 2.251.993 |
| 2 | Mái lợp tôn | đ/m2 sàn | 2.272.742 |